

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 4 (BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)



Năm 2023

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4

1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thực hiện mục tiêu giáo dục, hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS) thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng giai đoạn giáo dục và từng cấp học, chương trình mỗi môn học và hoạt động giáo dục xác định mục tiêu, các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học, hoạt động giáo dục đó. Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau Trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm HS được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp đều có các môn học tự chọn; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HS.

2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức

Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho HS ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, Giáo dục công dân bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cần thiết của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin và cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh vững

vàng để tiếp tục phát triển và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Đạo đức ở Tiểu học là môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của môn học này là giáo dục đạo đức, pháp luật, giá trị sống, kỹ năng sống. Các mạch nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

3. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của chương trình môn Đạo đức

3.1. Mục tiêu của chương trình môn Đạo đức

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới (ban hành 26/12/2018), môn Đạo đức là một bộ phận của môn Giáo dục công dân, được dạy từ lớp 1 đến lớp 5 ở trường tiểu học, với mục tiêu nhằm:

a) Bước đầu hình thành, phát triển ở học sinh (HS) những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

b) Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nề nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

3.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình môn Đạo đức

3.2.1. Môn Đạo đức nhằm góp phần hình thành và phát triển cho HS năm phẩm chất chủ yếu, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đó là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; ở mức độ phù hợp với lứa tuổi HS từng lớp.

3.2.2. Môn Giáo dục công dân nói chung, môn Đạo đức nói riêng có ba năng lực đặc thù là: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Việc hình thành và phát triển các năng lực đặc thù này cho HS cũng chính là đã góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể cho các em.

Chương trình môn Đạo đức quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với HS tiểu học như sau:

a) Năng lực điều chỉnh hành vi

• *Nhận thức chuẩn mực hành vi*

– Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức và pháp luật thường gặp phù hợp với lứa tuổi và sự cần thiết của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó.

– Có kiến thức cần thiết, phù hợp để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè.

– Nhận biết được sự cần thiết của giao tiếp và hợp tác; trách nhiệm của bản thân và của nhóm trong hợp tác nhằm đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

• *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

– Nhận xét được tính chất đúng – sai, tốt – xấu, thiện – ác của một số thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và bạn bè trong học tập và sinh hoạt.

– Thể hiện được thái độ đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt; không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu.

– Nhận xét được thái độ của đối tượng giao tiếp; một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để phân công công việc và hợp tác.

• *Điều chỉnh hành vi*

– Tự làm được những việc của mình ở nhà, ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; không dựa dẫm, ỷ lại người khác.

– Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học hành và các việc khác; biết sửa chữa sai sót, khuyết điểm trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được một số hoạt động cần thiết, phù hợp để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè.

– Bước đầu biết thực hành tiết kiệm và sử dụng tiền hợp lí.

b) Năng lực phát triển bản thân

• Tự nhận thức bản thân

Nhận biết được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân theo chỉ dẫn của thầy giáo, cô giáo và người thân.

• Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân, sự cần thiết phải lập kế hoạch cá nhân, cách lập kế hoạch cá nhân.

– Lập được kế hoạch cá nhân của bản thân.

• Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Thực hiện được các công việc của bản thân trong học tập và sinh hoạt theo kế hoạch đã đề ra với sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo và người thân.

– Có ý thức học hỏi thầy giáo, cô giáo, bạn bè, người khác và học tập, làm theo những gương tốt để hoàn thiện, phát triển bản thân.

c) Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

• Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

– Bước đầu nhận biết được một số khái niệm cơ bản về xã hội và quan sát xã hội như: cá nhân, gia đình, xã hội, đất nước, tốt – xấu,...

– Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước, các hành vi ứng xử trong đời sống hằng ngày với sự giúp đỡ của thầy giáo, cô giáo và người thân.

– Nhận biết được vai trò của tiền; sự cần thiết phải bảo quản, tiết kiệm, sử dụng hợp lí tiền.

• Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

– Bước đầu nêu được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề đơn giản, phù hợp với lứa tuổi về đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Có được cách cư xử, thói quen, nề nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

– Đề xuất được phương án phân công công việc phù hợp; thực hiện được nhiệm vụ của bản thân; biết trao đổi, giúp đỡ thành viên khác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công, hướng dẫn.

– Tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.

4. Yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 4

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Biết ơn người lao động	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh. – Biết vì sao phải biết ơn người lao động. – Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.
Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.
Yêu lao động	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động. – Biết vì sao phải yêu lao động. – Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. – Quý trọng người yêu lao động; không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

Tôn trọng tài sản của người khác	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. – Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp. – Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.
Bảo vệ của công	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công. – Biết vì sao phải bảo vệ của công. – Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công. – Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.
Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè	<ul style="list-style-type: none"> – Biết vì sao phải thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè. – Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè. – Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.
Quý trọng đồng tiền	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. – Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình. – Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
Quyền và bổn phận của trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> – Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em. – Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. – Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.

5. Cấu trúc, nội dung sách giáo khoa Đạo đức 4

5.1. Cấu trúc bản sách giáo khoa Đạo đức 4

Cấu trúc bản mẫu sách giáo khoa được định hình dựa trên sự tổng hợp yêu cầu đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Giáo dục công dân; phân tích yêu cầu cần đạt của lớp 4, lý thuyết và quan điểm biên soạn đã nêu trên, cùng với khoa học biên soạn sách giáo khoa. Cụ thể, bản mẫu sách giáo khoa bao gồm các thành phần chính như sau:

- Trang bìa, bìa lót;
- Hướng dẫn sử dụng sách;
- Giới thiệu nhân vật;
- Mục lục;
- Lời nói đầu;
- Các chủ đề, bài học (12 bài);
- Giải thích thuật ngữ.

Cơ sở xây dựng cấu trúc bài học:

Các chủ đề trong sách học sinh được thiết kế trên cơ sở xây dựng cấu trúc hoạt động dựa vào các căn cứ sau:

- Theo *Thông tư số 33* quy định cấu trúc bài học gồm 4 thành phần: Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng.
- Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 hướng tới các loại hoạt động học tập: Khám phá, Thực hành, Vận dụng.
- Dựa theo đặc thù của môn Đạo đức, môn học hướng tới các giá trị đạo đức, kỹ năng sống cần khơi dậy cảm xúc đúng đắn, tích cực cho học sinh.
- Dựa theo lý thuyết dạy học đạo đức và kỹ năng sống, học tập trải nghiệm của Lawrence Kohlberg, Darcia Narvaez, John Dewey, David Kolb.

Các tác giả xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với yêu cầu của *Thông tư 33* như sau:

<i>Thông tư số 33</i>	Cấu trúc nhóm tác giả xây dựng
Mở đầu	Khởi động
Kiến thức mới	Khám phá
Luyện tập	Luyện tập

Vận dụng	Vận dụng
----------	----------

Chương trình môn Đạo đức lớp 4 quy định bốn mạch nội dung: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật. Các cụm bài cũng được phân chia một cách tương đối theo bốn mạch nội dung đó. Trên cơ sở cấu trúc bài học chung gồm 4 giai đoạn trên đây, GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung sách giáo khoa và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn.

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khởi tạo cảm xúc, tăng cường trải nghiệm, thực hành, vận dụng kĩ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng nên các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật, đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của học sinh phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức từng bước hình thành năng lực tư duy phân biện về các hành vi đạo đức và không đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đều được thử nghiệm ngoài thực tế lớp học và cho thấy hiệu quả giáo dục cao.

5.2. Nội dung

5.2.1. Căn cứ xây dựng các bài học

** Căn cứ vào Mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Đạo đức;*

** Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển tâm lí trẻ em, trên cơ sở đó nghiên cứu các đặc điểm về nhận thức, tình cảm, nhân cách của học sinh lớp 4. Tổng hợp các quan điểm về sự phát triển tâm lí trẻ em, đặc biệt là tâm lí của học sinh lớp 4, có*

thể khái quát lại một số đặc trưng cần lưu ý để nhóm tác giả biên soạn sách giáo khoa này:

– *Về sự phát triển nhận thức:*

+ Tri giác ở học sinh tiểu học thường bắt đầu với hành động trực quan, đến cuối tuổi cấp tiểu học là lớp 4, 5 thì tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích quan sát các sự vật hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn và lúc này tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng. Có thể dựa vào đặc điểm phát triển này để tìm cách thu hút trẻ tham gia các hoạt động tích cực, hình ảnh màu sắc được thiết kế trong sách giáo khoa Đạo đức 4. Những hoạt động, ngữ liệu đa dạng sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

+ Tư duy của học sinh tiểu học chủ yếu là tư duy trực quan hành động ở đầu cấp và phát triển dần thành tư duy trực quan hình ảnh ở giai đoạn giữa, mang đậm màu sắc xúc cảm. Khả năng khái quát hoá tiến bộ dần từ trẻ lớp 1 đến lớp 5, theo đó, trẻ lớp 4, 5 bắt đầu biết khái quát hoá lí luận. Đây là tiền đề cho sự phát triển tư duy logic, tuy nhiên ở lớp 4, tư duy trực quan hình ảnh vẫn chiếm ưu thế.

+ Hình ảnh tưởng tượng của học sinh lớp 1 còn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi, nhưng đến những năm cuối tiểu học, tưởng tượng tái tạo đã bắt đầu hoàn thiện. Từ những hình ảnh cũ, trẻ đã tái tạo ra được những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo cũng tương đối phát triển, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, làm văn, vẽ tranh,... Đây là cơ sở để thiết kế các hoạt động Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng phù hợp hơn với khả năng của học sinh lớp 4.

+ Đầu giai đoạn tiểu học, trẻ chủ yếu ghi nhớ máy móc. Đến khi bước vào lớp 4 và lớp 5, trẻ bắt đầu ghi nhớ có ý nghĩa và lượng tri thức trẻ nhớ được gia tăng. Đây là giai đoạn tâm lí học sinh tiểu học mà việc ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào mức độ tích cực tập trung, sự hứng thú và sức hấp dẫn của nội dung tài liệu,...

+ Nếu như đầu cấp học sinh tiểu học có sự chú ý thiếu tính bền vững, chưa thể tập trung lâu dài và dễ bị phân tán thì đến giai đoạn cuối của tâm lí học sinh tiểu học, trẻ có khả năng điều chỉnh sự chú ý của mình, chú ý có chủ định dần phát triển hơn. Trẻ biết cố gắng và có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập, có khả năng tiếp

nhận câu chuyện dài hơn, bài thơ nhiều câu chữ hơn, tình huống đa dạng tình tiết hơn so với học sinh lớp 1, 2, 3.

+ Đến lớp 4, 5, học sinh đã thành thạo ngôn ngữ viết và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau.

– *Về sự phát triển tình cảm:*

Đến lớp 4, các mối quan hệ bạn bè của trẻ được mở rộng, trẻ dễ chia sẻ và chơi thân với các bạn của mình, ra sức giúp đỡ bạn; bên cạnh đó, trẻ cũng dễ giận dỗi, mâu thuẫn với bạn bè rồi cũng nhanh chóng làm lành với bạn sau đó. Sự phát triển tình cảm trong tâm lí trẻ em tiểu học luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu như: thơ, ca, hội họa, kĩ thuật, khoa học,... Tâm lí trẻ em tiểu học được phát triển và từng ngày hoàn thiện trên nhiều khía cạnh. Trẻ cũng chững chạc dần và học hỏi nhiều điều thú vị từ thế giới xung quanh mình, đồng thời khám phá nhiều khả năng, năng khiếu của bản thân trong nhiều hoạt động. Đây là cơ sở để đưa các nội dung tích hợp để phát triển năng khiếu cho học sinh bên cạnh năng lực chung, năng lực đặc thù.

– *Về sự phát triển nhân cách:*

+ Đến lớp 4, những nét tính cách học đường mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Nhìn chung việc hình thành nhân cách của học sinh tiểu học mang những đặc điểm cơ bản sau: nhân cách của các em lúc này mang tính chính thể và hồn nhiên, trong quá trình phát triển trẻ luôn bộc lộ những nhận thức, tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ của mình một cách vô tư, hồn nhiên, thật thà và ngay thẳng; nhân cách của các em lúc này còn mang tính tiềm ẩn, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt, nếu có được tác động thích ứng chúng sẽ bộc lộ và phát triển; đặc biệt nhân cách của các em còn mang tính đang hình thành, việc hình thành nhân cách không thể diễn ra một sớm một chiều, với học sinh tiểu học còn đang trong quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt, vì thế nhân cách của các em sẽ được hoàn thiện dần cùng với tiến trình phát triển của mình. Giáo dục đạo đức cho học sinh lớp 4 không nên định hình hay có những định kiến mà luôn thiện ý, phải dùng những lời lẽ nhẹ nhàng mang tính gợi mở và chờ đợi, phải hướng trẻ đến với những hình mẫu nhân cách tốt đẹp thông qua các

tấm gương từ các nhân vật trong sách giáo khoa, hình mẫu của người lớn (bố mẹ, thầy cô, hàng xóm,...) để trẻ noi gương.

*** Căn cứ vào các lý thuyết Tâm lý học, Giáo dục học về đạo đức và quá trình hình thành hành vi đạo đức.** Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức (nhiều tác giả), hành vi đạo đức thường được hình thành dựa trên các nhóm yếu tố tâm lý bao gồm: tri thức và niềm tin đạo đức, thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức. Mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý cấu thành hành vi đạo đức:

+ Tri thức đạo đức là yếu tố định hướng hành vi đạo đức. Nhờ có tri thức đạo đức, cá nhân biết mình nên hay không nên làm gì. Niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là yếu tố phát động mọi sức mạnh vật chất và tinh thần, tạo ra sự sẵn sàng thực hiện hành vi đạo đức. Có tri thức, có niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là có ý thức đạo đức. Tuy nhiên, giữa ý thức với hành vi đạo đức luôn tồn tại một khoảng cách nhất định. Yếu tố giúp xóa bỏ khoảng cách này chính là thói quen đạo đức. Nói cách khác, thói quen đạo đức là yếu tố thể hiện thực hoá sẵn sàng đạo đức cá nhân.

+ Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức, có các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh như sau: cơ chế bắt chước, cơ chế củng cố và học tập xã hội.

*** Căn cứ vào các lý thuyết về sự phát triển phẩm chất, năng lực cho cá nhân:**

Theo Tâm lý học hoạt động, sự hình thành và phát triển của nhân cách chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản, đóng vai trò quan trọng như: bẩm sinh – di truyền; hoàn cảnh sống; giáo dục; hoạt động và giao tiếp. Trong các yếu tố đó, giáo dục đóng vai trò chủ đạo vì nó vạch ra chiều hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh và dẫn dắt sự hình thành, phát triển nhân cách của học sinh theo chiều hướng đó. Giáo dục có thể uốn nắn những phẩm chất tâm lý xấu do tác động tự phát của môi trường xã hội gây nên và làm cho nó phát triển theo chiều hướng mong muốn của xã hội. Tính tích cực khi tham gia vào hoạt động và giao tiếp sẽ quyết định trực tiếp đến sự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Vì vậy, sách giáo khoa Đạo đức 4 không chỉ thiết kế các pha hoạt động bao gồm Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng mà còn xây dựng ngữ liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc biệt là lưu ý đến các ngữ liệu này có tạo điều kiện cho giáo viên sử dụng

linh hoạt để tư vấn, hướng dẫn, động viên kịp thời với những đặc điểm riêng của học sinh do những tác động khác nhau lên nhân cách. Điều quan trọng là các hoạt động, ngữ liệu phải tạo điều kiện cho giáo viên sử dụng linh hoạt để đưa các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học một cách sáng tạo để phát huy tính tích cực của học sinh trong hoạt động học. Đồng thời, sách quan tâm đặt học sinh ở vị trí trung tâm và mở rộng các mối quan hệ xung quanh trẻ để đưa các câu chuyện, tình huống,... giúp trẻ có cơ hội trao đổi, thảo luận, xử lí tình huống với nhóm bạn để thúc đẩy tính tích cực của học sinh lớp 4.

Tóm lại, sách giáo khoa Đạo đức được thiết kế dựa trên đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 4 và căn cứ vào các quan điểm, lí thuyết về giáo dục đạo đức cũng như phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân để xây dựng các hoạt động và các ngữ liệu phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức. Ngoài ra, căn cứ quan trọng nữa là phân tích điều kiện thực tiễn của giáo dục Việt Nam và kết quả của thực nghiệm.

5.2.2. Nội dung khái quát và tỉ lệ dành cho các nội dung giáo dục ở sách giáo khoa Đạo đức 4

Nội dung môn Đạo đức lớp 4 tập trung vào bốn lĩnh vực chính là giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật, với 8 chủ đề chia thành 12 bài học và các yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

Phân tích thời lượng thực hiện chương trình:

1. Giáo dục đạo đức: 55% (19/35 tiết, đạt yêu cầu)
2. Giáo dục kĩ năng sống: 15% (6/35 tiết, đạt yêu cầu)
3. Giáo dục kinh tế: 10% (3/35 tiết, đạt yêu cầu)
4. Giáo dục pháp luật: 10% (3/35 tiết, đạt yêu cầu)
5. Ôn tập, đánh giá định kì: 10% (4/35 tiết, đạt yêu cầu)

Cụ thể như sau:

ST T	Tên bài	Số tiết	ST T	Tên bài	Số tiết
Học kì I			Học kì II		
1	Người lao động quanh em	2	8	Em bảo vệ của công	3

2	Em biết ơn người lao động	2	9	Em làm quen với bạn bè	3
3	Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	2	10	Em nuôi dưỡng quan hệ bạn bè	3
4	Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	3	11	Em quý trọng đồng tiền	3
5	Em yêu lao động	2	12	Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em	3
6	Em tích cực tham gia lao động	2			
7	Em tôn trọng tài sản của người khác	3			
	Ôn tập tổng hợp	2		Ôn tập tổng hợp	2

6. Phương pháp dạy học môn Đạo đức phát triển phẩm chất và năng lực học sinh lớp 4

Có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong quá trình dạy học môn Đạo đức ở lớp 4. Dưới đây là một số phương pháp dạy học phổ biến, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, giúp HS phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

6.1. Phương pháp kể chuyện

a) Khái niệm

Phương pháp kể chuyện là phương pháp dùng lời nói trình bày một cách sinh động và truyền cảm đến người nghe về một nhân vật, một sự kiện, một hiện tượng, một quá trình nhằm hình thành những biểu tượng, khái niệm với một niềm tin sâu sắc cho HS.

Trong sách Đạo đức lớp 4, kỹ thuật kể chuyện theo tranh được khai thác chủ yếu cho phương pháp kể chuyện. Kể chuyện theo tranh là kỹ thuật tổ chức cho HS tự kể lại một câu chuyện dựa trên cơ sở quan sát các tranh minh họa và những lời dẫn, gợi ý dưới mỗi tranh.

Kĩ thuật kể chuyện theo tranh rất phù hợp với tư duy trực quan của HS lớp 4, giúp các em tiếp cận, tìm hiểu các chuẩn mực, hành vi đạo đức một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn. Đồng thời, phương pháp này còn giúp HS phát triển óc quan sát, năng lực ngôn ngữ, năng lực sáng tạo.

b) Quy trình thực hiện

- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh theo các gợi ý sau:
 - + Trong tranh có những nhân vật/con vật nào?
 - + Họ đang làm gì? Ở đâu?
 - + Nét mặt họ trông như thế nào?
 - + ...
- HS trình bày cảm nhận của các em về nội dung tranh.
- Giáo viên (GV) làm rõ nội dung từng tranh.
- HS chuẩn bị kể chuyện (theo cá nhân hoặc theo nhóm), dựa trên nội dung tranh và lời dẫn/gợi ý dưới mỗi tranh.
 - GV mời một số HS/nhóm HS lên kể chuyện theo tranh.
 - Bình chọn HS/nhóm HS kể chuyện hay nhất.
 - GV kể tóm tắt lại nội dung câu chuyện.

c) Ví dụ minh họa

Trong dạy học môn Đạo đức lớp 4, có thể tổ chức cho HS:

- Kể chuyện theo tranh *Minh là bạn bè* trong Bài 9 “Em làm quen với bạn bè”.



1. Kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi

MÌNH LÀ BẠN BÈ



?

- a. Hào đã chủ động thiết lập quan hệ bạn bè như thế nào?
- b. Theo em, vì sao phải thiết lập quan hệ với bạn bè?

d) Một số lưu ý

- HS chỉ có thể kể được chuyện theo tranh khi các tranh minh họa phải lột tả được đầy đủ nội dung câu chuyện.
- Lựa chọn câu chuyện phù hợp. Nội dung câu chuyện phải liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật hay kỹ năng sống HS sắp học hoặc đang cần tìm hiểu.
- HS có thể kể cá nhân hoặc theo nhóm, mỗi em một tranh nối tiếp nhau.
- Nội dung câu chuyện HS kể có thể khác nhau và khác với nội dung chuẩn bị của GV.
- Khi kể lại nội dung câu chuyện, GV nên sử dụng ngôn ngữ phù hợp với lứa tuổi HS lớp 4; thậm chí có thể chắt lọc những chi tiết, sử dụng luôn những câu, từ trong những câu chuyện HS đã kể.
- Giọng kể tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, gợi cảm, giàu hình ảnh, có thể kết hợp các biểu cảm phi ngôn ngữ.

- Nên sử dụng các câu hỏi gợi trí tưởng tượng.
- Phương pháp kể chuyện nên được ưu tiên sử dụng cho mạch Khám phá hoặc Luyện tập để có thể giúp HS khám phá hoặc ôn luyện lại tri thức đã khám phá, hoặc hình thành thái độ, cảm xúc với các chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật hay kỹ năng sống.

6.2. Phương pháp dạy học hợp tác (hay còn gọi là phương pháp làm việc theo nhóm)

a) Khái niệm

Phương pháp dạy học hợp tác là phương pháp dạy học trong đó HS làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra. Dựa trên cách thức tổ chức này, HS lĩnh hội được tri thức, rèn luyện một số kỹ năng có liên quan, góp phần phát triển năng lực, phẩm chất của mình.

– Năm yếu tố của phương pháp dạy học hợp tác:

+ Có sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực: Kết quả của cả nhóm chỉ có được khi có sự hợp tác làm việc, chia sẻ của tất cả các thành viên trong nhóm.

+ Thể hiện trách nhiệm cá nhân: Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung.

+ Khuyến khích sự tương tác: Trong quá trình làm việc, cần có sự trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm để tạo thành ý kiến chung của nhóm.

+ Rèn luyện các kỹ năng xã hội: Tất cả các thành viên đều có cơ hội để rèn kỹ năng như: lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi tích cực, thuyết phục, ra quyết định.

– Phương pháp dạy học hợp tác có tác dụng phát triển cho HS năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy phê phán,...

b) Quy trình thực hiện

– GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp học tập cho cả lớp.

– GV chia HS thành các nhóm học tập và phân công vị trí làm việc cho các nhóm. Tùy theo nhiệm vụ, quy mô nhóm có thể khác nhau. HS cần được ngồi đối diện với nhau để tạo ra sự tương tác trong quá trình học tập.

– GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS: Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ riêng biệt trong gói nhiệm vụ chung hoặc tất cả các nhóm đều thực hiện cùng một nhiệm vụ. Cần quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.

– Hướng dẫn hoạt động của nhóm HS: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp.

– GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận giải quyết nhiệm vụ được giao.

– Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét và tổng kết.

c) Ví dụ minh họa

– Khi dạy Bài 2 “Em biết ơn người lao động”, Luyện tập 1, GV chia lớp thành các nhóm học tập, hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn nào sau đây? Vì sao?

 **LUYỆN TẬP**

1. Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn nào sau đây? Vì sao?



– Khi dạy Bài 3 “Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn”, Luyện tập 3, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm đọc tình huống và trả lời 2 câu hỏi:

a. Em có nhận xét gì về lời nói và hành động của An?

b. Nếu em là An, em sẽ làm gì để thể hiện mình là người biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn?

3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

Tình huống

Thấy Hạnh buồn bã vì bố vừa nhập viện tối qua, An đến hỏi thăm nhưng lại khoe: “Bố mình khoẻ lắm, hồi trước còn đạt huy chương thể thao”. Hạnh nghe vậy thì càng buồn hơn.

?

a. Em có nhận xét gì về lời nói và hành động của An?

b. Nếu em là An, em sẽ làm gì để thể hiện mình là người biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn?

– Khi dạy Bài 9 “Em làm quen với bạn bè”, Luyện tập 3, GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm và sắm vai tình huống làm quen và thiết lập quan hệ với bạn mới theo ba bước gợi ý trong SGK. GV cho thời gian HS hoạt động theo nhóm và sắm vai tình huống làm quen và thiết lập quan hệ với bạn mới. Sau đó, GV mời các nhóm trình bày tình huống làm quen và thiết lập quan hệ với bạn mới trước lớp.

3. Em làm quen bạn mới

Hãy thực hành các bước sau để làm quen và thiết lập quan hệ với bạn mới nhé!

Bước 1: Miệng cười tươi, ánh mắt thân thiện và nói lời xin chào.

Bước 2: Chủ động giới thiệu về bản thân mình.

Bước 3: Chọn một chủ đề để nói chuyện nhằm thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn.

Một số chủ đề gợi ý như: sở thích, ước mơ, môn học yêu thích, môn thể thao đang chơi, món ăn yêu thích, trò chơi yêu thích, quyển sách đang đọc,...

d) Một số lưu ý

– Chỉ sử dụng phương pháp dạy học hợp tác để giải quyết những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi sự tham gia đóng góp ý tưởng, công sức của nhiều thành viên. Nói cách khác, với những nhiệm vụ đơn giản mà cá nhân HS có thể tự giải quyết được thì không nên tổ chức làm việc nhóm.

– Có nhiều cách chia nhóm. Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo nhiệm vụ. Tuy nhiên, nhóm thường từ 2 – 6 HS là phù hợp. Không nên chia nhóm quá đông để tránh tình trạng một số HS ỷ lại, không tham gia hoạt động.

– Mỗi nhóm nên có một nhóm trưởng để điều khiển và một thư kí để ghi biên bản thảo luận nhóm. HS cần được luân phiên nhau làm nhóm trưởng, thư kí cũng như luân phiên đại diện cho nhóm để trình bày kết quả thảo luận.

– Nhiệm vụ giao cho nhóm HS phải phù hợp với chủ đề bài học, với khả năng của HS lớp 4, với thời lượng và cơ sở vật chất, trang thiết bị của lớp học.

– Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống hoặc khác nhau.

– Các thành viên trong nhóm phải nắm vững nhiệm vụ của nhóm và của bản thân. Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung. Tránh tình trạng chỉ nhóm trưởng và thư kí làm việc.

– GV cần tạo cơ hội cho HS tham gia vào các nhóm khác nhau, với các HS khác nhau để các em có thể tương tác, học hỏi lẫn nhau.

– Khi trao đổi, chia sẻ, thảo luận nhóm, các thành viên nên ngồi đối diện nhau; Các thành viên đều phải tuân theo sự điều khiển của nhóm trưởng, lắng nghe ý kiến của bạn trong nhóm và mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng của bản thân.

– Cách trình bày kết quả hoạt động nhóm có thể theo nhiều hình thức: bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng tiểu phẩm, bằng văn bản viết,...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày hoặc có thể do nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nối tiếp nhau.

– GV phải theo dõi các nhóm HS hoạt động, khuyến khích và hỗ trợ các em khi cần thiết.

– HS cần được tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

– GV nên chú ý yếu tố về mặt tâm lí như: cảm xúc, sở thích, năng lực tương đồng trong việc chia nhóm.

– GV nên cân nhắc tần suất sử dụng phương pháp này cho phù hợp, tránh việc dành nhiều thời gian không cần thiết.

– Phương pháp dạy học hợp tác có thể được triển khai cụ thể thông qua các kĩ thuật dạy học hiện đại như: động não, bể cá, XYZ, tia chớp, kê 3, KWL, ổ bi, phòng tranh, công đoạn,...

– Phương pháp dạy học hợp tác có thể được sử dụng cho tất các mạch: Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng. Tuy nhiên, cần lưu ý phối hợp hài hoà giữa hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân trong tiến trình tổ chức lớp học.

6.3. Phương pháp dạy học bằng tình huống

a) Khái niệm

– Trong dạy học môn Đạo đức, dạy học bằng tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội.

– Phương pháp dạy học bằng tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, tìm kiếm và xử lý thông tin.

b) Quy trình thực hiện

– GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:

- + Tình huống xảy ra ở đâu?
- + Tình huống xảy ra khi nào?
- + Tình huống xảy ra với ai?
- + Vấn đề cần giải quyết là gì?

– GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:

- + Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
 - + Liệt kê/phán đoán các cách giải quyết có thể có;
 - + Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
 - + So sánh kết quả các cách giải quyết;
 - + Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.
- HS/các nhóm HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Một số HS/đại diện nhóm HS trình bày kết quả.
- Thảo luận chung cả lớp:

+ Em/nhóm em có đồng tình với cách giải quyết mà nhóm bạn đã trình bày không? Vì sao?

+ Em/nhóm em có cách giải quyết khác không? Đó là cách giải quyết như thế nào? Vì sao em/nhóm em lại chọn cách giải quyết đó?

– GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

c) Ví dụ minh họa

– Khi dạy Bài 2 “Em biết ơn người lao động”, Luyện tập 2, GV có thể cho HS xử lí các tình huống sau:

2. Xử lí tình huống

Tình huống 1

Đang vẽ tranh thì bút chì bị gãy, An liền vứt đi và nói sẽ mua chiếc khác.

? Nếu biết việc làm của An, em sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 2

Cô bán bánh giò vừa đẩy xe vừa rao: “Bánh giò đây!”. Hằng thấy các bạn đang nhại lại giọng của cô.

? Nếu là Hằng, em sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 3

Mẹ dẫn Ngọc đi tiêm vắc-xin. Về nhà, Ngọc nói với chị Ngân: “Em ghét bác sĩ lắm vì bác sĩ tiêm thuốc làm em đau”.

? Nếu là Ngân, em sẽ ứng xử như thế nào?

– Khi dạy Bài 7 “Em tôn trọng tài sản của người khác”, Luyện tập 3, GV có thể cho HS xử lí các tình huống sau:

3. Xử lí tình huống

Tình huống 1

Nam rủ các bạn trong xóm sang nhà bác Trang để hái táo ăn mà không xin phép, vì nghĩ rằng bác ấy là chị họ của bố mình.

? Nếu là bạn của Nam, em sẽ làm gì?

Tình huống 2

Sau tiết học Giáo dục thể chất, Thắng phát hiện mình cầm nhầm áo khoác của Mạnh, nhưng không đổi lại cho bạn, vì nghĩ rằng áo đồng phục nào cũng giống nhau.

? Nếu là bạn của Thắng, em sẽ làm gì?

Tình huống 3

Thấy xe đạp của bạn Thanh để ở ngoài nắng, My định dắt xe của bạn vào chỗ có mái che gần đó. Tuy nhiên, Hồng lại bảo không nên làm thế vì đó là tài sản của người khác.

? Nếu em là My, em sẽ xử lý như thế nào?

Tình huống 4

Châu đang ở nhà thì chị Thu sang mượn vở ghi của chị gái mình. Nghĩ rằng chị Thu là bạn thân của chị nên Châu đã chạy đi tìm, lấy vở và giao cho chị Thu.

?

- a. Em có đồng ý với việc làm của Châu không? Vì sao?
- b. Nếu là Châu, em sẽ xử lý như thế nào?

– Khi dạy Bài 11 “Em quý trọng đồng tiền”, Luyện tập 3, GV có thể cho HS xử lý các tình huống sau:

3. Xử lí tình huống

Tình huống 1

Hùng nói với em sẽ sử dụng tất cả số tiền được lì xì để chơi điện tử và mua đồ chơi mới, nếu còn chưa đủ thì sẽ xin thêm tiền bố mẹ.

? *Em sẽ khuyên Hùng như thế nào?*

Tình huống 2

Kim kể với em là vừa được mẹ mua cho bộ quần áo mới, nhưng Kim lại không thích, nên sẽ xin mẹ mua bộ khác.

? *Em sẽ khuyên Kim như thế nào?*

Tình huống 3

Mẹ hỏi ý em về việc mua thêm một cái mũ đẹp để đi dã ngoại với lớp vào tuần sau. Trong khi đó, em đã có hai cái mũ cũ và còn dùng tốt.

? *Em sẽ làm gì trong trường hợp này?*

Khi dạy Bài 12 “Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em”, Luyện tập 3, GV có thể cho HS xử lí các tình huống sau:

3. Xử lý tình huống

Tình huống 1

An có năng khiếu và đam mê vẽ tranh, vì vậy An muốn bố mẹ đăng kí cho em tham gia lớp học vẽ để phát triển tài năng. Tuy nhiên, bố mẹ lại đăng kí cho An học đàn.

? Nếu là An, em sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 2

Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ vừa sinh thêm em bé nên bố muốn Huệ học xong tiểu học thì nghỉ ở nhà trông em cho bố mẹ đi làm.

? Nếu là Huệ, em sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 3

Hiền muốn đề xuất với nhà trường tổ chức một buổi tuyên truyền về phòng tránh xâm hại. Tuy nhiên, Hiền băn khoăn không biết mình có quyền đề xuất vấn đề này không?

? Nếu là bạn của Hiền, em sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 4

Thấy Hoa tươi cười chào hỏi các bác bảo vệ, lao công của trường, Thủy nói: “Chúng mình chỉ cần lễ phép, chào hỏi thầy cô giáo thôi, đâu cần phải chào hỏi các bác bảo vệ, cô lao công”.

? Nếu là Hoa, em sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 5

Lan kể với bạn việc được mẹ giao dọn dẹp nhà cửa, nhặt rau, nấu cơm nhưng Lan cho rằng mình còn nhỏ nên không phải làm.

? Nếu là bạn của Lan, em sẽ khuyên Lan như thế nào?

Tình huống 6

Trước khi rời khỏi lớp học, An luôn nhớ tắt quạt và bóng đèn. An còn nhắc nhở các bạn trong lớp cùng thực hiện nhưng Hiếu cho rằng đây là việc của các chú bảo vệ, mình không phải làm.

? Nếu là An, em sẽ khuyên Hiếu như thế nào?

d) Một số lưu ý

- Các tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với chủ đề bài học đạo đức.
 - + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 4 cả về độ khó và độ dài.
 - + Gần gũi với cuộc sống thực của HS lớp 4.
 - + Được diễn tả bằng kênh chữ hoặc kênh hình, hoặc kết hợp cả hai kênh chữ và kênh hình.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
 - Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
 - HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.
 - Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.
 - Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.
 - Phương pháp dạy học bằng tình huống có thể sử dụng cho mạch Luyện tập và Vận dụng để giúp HS ôn tập lại các tri thức đạo đức, pháp luật hay kỹ năng sống đã được tìm hiểu hoặc vận dụng các tri thức đã học để xử lý một vấn đề/tình huống ở mạch vận dụng.

6.4. Phương pháp đóng vai

a) Khái niệm

Phương pháp đóng vai trong dạy học là phương pháp dạy học dựa trên việc tổ chức cho HS thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định theo các vai trong kịch bản nhằm đạt được mục tiêu dạy học. Qua đó, tạo bầu không khí vui vẻ, giúp HS phát huy tính tích cực, sáng tạo và thực hành, rèn luyện những điều đã học để phát triển năng lực, phẩm chất của bản thân.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp dạy học bằng tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

b) Quy trình thực hiện

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

– GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai.

– GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm. – Các nhóm thảo luận, chuẩn bị đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

– Các nhóm lên đóng vai.

– Thảo luận lớp: Nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn, về ý nghĩa của các cách ứng xử.

– GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

c) Ví dụ minh họa

– Khi dạy Bài 1 “Người lao động quanh em”, Luyện tập 3, GV có thể cho HS đóng vai và xử lý các tình huống sau:

3. Xử lý tình huống

nhiệm của cô ấy mà.

Tình huống 1

Một hôm, Nam và Quân chia sẻ với nhau về nghề nghiệp của bố mình. Quân rất tự hào vì bố của Quân là công nhân. Nam cũng rất hãnh diện vì bố mình là nhà báo. Quân thắc mắc: “Nhà báo có đóng góp gì cho xã hội vậy Nam?”

? Nếu là Nam, em sẽ trả lời bạn như thế nào?

Tình huống 2

Hồng đọc được một bài viết về tấm gương người lao động trên báo Tuổi Trẻ. Hồng cảm thấy rất ngưỡng mộ và yêu quý tấm gương này nên chia sẻ với Lan. Lan bảo: “Đây đâu phải là người thân của mình mà mình phải yêu quý, biết ơn. Họ có giúp được gì cho mình đâu”.

? Nếu là Hồng, em sẽ ứng xử như thế nào?

Khi dạy Bài 4 “Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn”, Luyện tập 3, GV có thể cho HS đóng vai và xử lý các tình huống sau:

3. Xử lý tình huống

Tình huống 1

Mấy hôm nay, Hưng không đi học. Giờ sinh hoạt lớp, cô giáo buồn bã thông báo:

– Như các em đã biết, mẹ bạn Hưng lớp ta bị ốm đã lâu, nay bố bạn ấy lại mới bị tai nạn giao thông. Hoàn cảnh gia đình bạn đang rất khó khăn. Chúng ta cần phải giúp bạn Hưng vượt qua khó khăn này.

? Em hãy đề xuất những việc có thể làm trong khả năng của mình để giúp Hưng.

Tình huống 2

Lớp 4C có thêm một học sinh mới từ tỉnh khác chuyển về. Bạn tên là Mây, người bé nhỏ, nói tiếng địa phương nghe rất lạ và quần áo bạn mặc không giống với các bạn trong lớp. Vì vậy, Mây thường bị một số bạn nam trong lớp trêu chọc, nhại giọng nói và xì xào, bình phẩm về trang phục,... Điều này khiến Mây rất buồn và mặc cảm.

? Hãy nêu ý kiến của em để giúp bạn Mây vượt qua khó khăn, tiếp tục đến lớp.

d) Một số lưu ý

– Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 4 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

– Tình huống đóng vai không nên quá dài và phức tạp, vượt quá thời gian cho phép.

– Tình huống đóng vai phải có nhiều cách giải quyết.

– Tình huống đóng vai cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp, không cho trước kịch bản, lời thoại.

– Phải dành thời gian phù hợp đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

– Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.

– Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

– Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

– Phương pháp đóng vai nên được sử dụng cho mạch Luyện tập và Vận dụng để giúp HS thực hành trên lớp các chuẩn mực đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống.

6.5. Phương pháp dạy học bằng trò chơi

a) Khái niệm

Phương pháp dạy học bằng trò chơi là phương pháp dạy học mà người GV sử dụng trò chơi để tổ chức cho các em HS tìm hiểu về một vấn đề nào đó, trên cơ sở đó nhằm đạt được mục tiêu dạy học và tạo cảm xúc tích cực, phát triển hứng thú học tập cho HS cũng như góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực tương ứng.

Loại trò chơi	Khởi động	Kích thích học tập	Khám phá tri thức
Mục tiêu	Tạo hưng phấn trước khi học	Kích thích tính tích cực học tập	Khám phá tri thức
Tác dụng	Thư giãn, kích hoạt tâm thế học tập	Học tập hào hứng, sôi động	Trải nghiệm, tạo tình huống có vấn đề
Đặc điểm	Chơi ra chơi, học ra học	Thao tác chơi là hình thức học tập	Thao tác chơi là nội dung học tập
Yêu cầu	Trò chơi đa dụng	Sử dụng kĩ thuật, công nghệ	Sáng tạo

Lí luận và thực tiễn đã chứng minh tác dụng của phương pháp này trong dạy học môn Đạo đức. Cụ thể, qua trò chơi HS sẽ:

- Có cơ hội để thể nghiệm những thái độ, hành vi tích cực. Chính nhờ sự thể nghiệm này, sẽ hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.

- Được rèn luyện kĩ năng ra quyết định, lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống.

- Được hình thành năng lực quan sát, kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi.

- Được lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, sinh động; không khô khan, nhàm chán; được lôi cuốn vào quá trình luyện tập một cách tự nhiên, hứng thú và có tinh thần trách nhiệm; đồng thời giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

- Được tăng cường tương tác với các thầy cô giáo và với nhau trong quá trình học tập.

b) Quy trình thực hiện

- GV phổ biến để HS nắm được tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác, nếu có.
- Tổ chức cho HS chơi thử, nếu cần thiết.
- Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.
- Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả, xác định thứ hạng các đội chơi.
- Thảo luận về ý nghĩa của trò chơi, liên hệ trò chơi với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra ban đầu.

c) Ví dụ minh họa

- Khi dạy bài 2 “Em biết ơn người lao động”, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò *Nghề gì?* để học sinh đoán được các nghề liên quan đến đồ dùng, dụng cụ đó.



KHỞ ĐỘNG

Tham gia trò chơi *Nghề gì?*



– Khi dạy bài 4 “Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn”, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi *Sóng xô* để HS có thể thấy được “Cơn sóng” tượng trưng cho những khó khăn mà ai đó sẽ gặp phải trong cuộc sống. Khi một ai đó gặp sóng gió, chỉ cần những người xung quanh dang tay nâng đỡ, cứu giúp thì sẽ là nguồn động lực to lớn để người đó đứng vững và đi tiếp.



KHỞI ĐỘNG

Tham gia trò chơi *Sóng xô* và trả lời câu hỏi



- Theo em, “cơn sóng” tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống?
- Khi thấy một ai đó gặp “sóng gió” chúng ta cần làm gì?

– Khi dạy bài 9 “Em làm quen với bạn bè”, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi *Bắn tên*.



KHỞI ĐỘNG

Tham gia trò chơi **Bắn tên**

Cách chơi: Khi quản trò hô to: “Bắn tên, bắn tên.”, hãy đáp lại rằng: “Tên gì, tên gì?”. Quản trò sẽ gọi tên một bạn. Bạn đó phải hô được tên kèm từ lấy âm đầu mô tả đặc điểm của bản thân.



Trò chơi giúp HS tích cực tham gia trò chơi và nêu được các tên kèm từ lấy âm đầu mô tả được đặc điểm của bản thân một cách phù hợp.

– Khi dạy bài 12 “Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em”, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi kể tên một số ngày lễ, tết dành cho trẻ em để HS nêu được một số ngày lễ tết và các hoạt động thường thực hiện trong các ngày lễ tết đó.



KHỞI ĐỘNG

Em hãy kể tên một số ngày lễ, tết dành cho trẻ em và nêu một số hoạt động thường diễn ra trong các ngày đó.



d) Một số lưu ý

– Sau khi chơi, GV cần tổ chức cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi, liên hệ với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra.

– Mục đích của trò chơi phải hướng đến mục tiêu của bài học, yêu cầu cần đạt.

– Hình thức chơi đa dạng để giúp HS thay đổi các hoạt động học tập trên lớp, giúp HS phối hợp hoạt động trí tuệ với các hoạt động vận động, thư giãn.

– Luật chơi nên đơn giản để HS dễ nhớ, dễ thực hiện. Cần đưa ra cách chơi sao cho có nhiều HS tham gia để tăng cường kỹ năng học tập hợp tác, giao tiếp.

– Tổ chức chơi vào thời gian thích hợp của bài học để làm cho HS hứng thú học tập vừa hướng đến sự hình thành phẩm chất, năng lực đặc thù trong từng bài học cụ thể.

– Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện; phải phù hợp với chủ đề bài học, đặc điểm và trình độ HS lớp 4, quỹ thời gian, hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học; đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.

– Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi và các yêu cầu cần thiết khác cho HS trước khi chơi.

– HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.

– Trong quá trình chơi, HS có thể gây mất trật tự, làm ảnh hưởng đến các lớp khác. Do vậy, GV cần nêu rõ yêu cầu giữ trật tự với HS trước khi chơi hoặc tổ chức cho HS chơi ở ngoài sân trường, tránh xa khu vực các lớp khác đang học.

– Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.

– Phương pháp dạy học bằng trò chơi có thể được sử dụng hiệu quả cho các mạch: Khởi động, Khám phá, Luyện tập và cả Vận dụng.

6.6. Phương pháp dạy học thực hành

a) Khái niệm

Phương pháp dạy học thực hành là phương pháp dạy học dựa vào sự quan sát và thực nghiệm tự lực của HS dưới sự hướng dẫn của GV thông qua lời nói, câu hỏi, bài tập, các thao tác nhằm giúp cho HS hiểu rõ và vận dụng kiến thức lí thuyết để hình thành và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo tương ứng.

b) Quy trình thực hiện

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

GV chọn đề tài thực hành, xác định phương án thực hành, chuẩn bị thiết bị, phân công vị trí thực hành, kiểm tra, sắp xếp dụng cụ.

Giai đoạn 2: Thực hiện (4 bước)

(1) Mở đầu: Khơi gợi động cơ học; (2) Làm mẫu: GV làm mẫu và giải thích; (3) Làm lại: HS làm lại các bước; (4) Luyện tập độc lập: HS tự thực hiện các công đoạn.

Giai đoạn 3: Kết thúc

GV phân tích kết quả thực hiện so với mục đích yêu cầu; giải đáp các thắc mắc và lưu ý những sai sót.

c) Ví dụ minh họa

– Khi dạy Bài 11 “Em quý trọng đồng tiền”, Vận dụng 3, GV có thể cho tổ chức HS thực hành nói chuyện với bố mẹ để hiểu thêm về sự vất vả khi kiếm tiền.

3. Nói chuyện với bố mẹ để hiểu thêm về sự vất vả và khi kiếm tiền.



– Khi dạy Bài 12 “Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em”, Vận dụng 2, GV có thể cho tổ chức cho HS xây dựng bảng nói về một số quyền và bổn phận của trẻ em bằng các từ dễ nhớ. Sau đó dán ở cuối lớp để thực hiện và nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.

d) Một số lưu ý

– Chỉ tổ chức cho HS thực hành sau khi các em đã nắm vững mẫu hành vi và yêu cầu thực hành.

- Mẫu hành vi cần được xác lập rõ ràng.
- Có thể tổ chức cho HS thực hành theo cá nhân, theo cặp, theo nhóm, cả lớp tùy trường hợp cụ thể.
- Cần tổ chức cho HS trình bày kết quả thực hành trong nhóm, trước lớp.
- Cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng về kết quả thực hành của mỗi cá nhân, mỗi nhóm và cùng nhau rút kinh nghiệm chung.
- HS cần tích cực, tự giác, độc lập và có kỹ năng bảo vệ bản thân.
- Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu cho nơi thực hành chu đáo, an toàn.
- Phương pháp dạy học thực hành phù hợp cho việc hướng dẫn HS thực hành các thao tác hành vi chuẩn mực đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống ở mạch Vận dụng.

6.7. Phương pháp dạy học trực quan

a) Khái niệm

Phương pháp dạy học trực quan là phương pháp dạy học sử dụng các phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học ở trước, trong và sau khi nhận tài liệu mới, khi ôn tập, nhằm củng cố, hệ thống hoá, kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo để phát triển năng lực, phẩm chất của HS.

b) Quy trình thực hiện

Bước 1: GV giới thiệu về các vật dụng trực quan; nêu yêu cầu quan sát.

Bước 2: GV trình bày các nội dung trong phương tiện trực quan.

Bước 3: GV yêu cầu HS trình bày lại, giải thích nội dung.

Bước 4: GV yêu cầu HS rút ra kết luận, GV khái quát về vấn đề.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 8 Em bảo vệ của công phần Khám phá 1 có hoạt động quan sát ảnh và thực hiện yêu cầu.

GV đưa hình ảnh để HS quan sát và trình bày nội dung, GV nhận xét, chốt lại.

KHÁM PHÁ

1. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu



- a. Nêu các biểu hiện bảo vệ của công trong các bức tranh trên.
b. Hãy kể thêm các biểu hiện bảo vệ của công.
c. Vì sao phải bảo vệ của công?

d) Một số lưu ý

- GV cần giải thích rõ mục đích.
- Chuẩn bị tỉ mỉ, chu đáo.
- Không lạm dụng.
- Tất cả HS được quan tâm đầy đủ.
- Bảo quản phương tiện trực quan sau khi sử dụng xong.
- Cần lồng ghép phát triển năng lực quan sát của HS.
- Kết hợp với lời nói.
- Phương pháp này có thể được sử dụng hiệu quả cho mạch khám phá, luyện tập.

7. Đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 4 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

7.1. Một số vấn đề chung về đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 4 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn Đạo đức cho HS. Việc đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu là đánh giá những năng lực mà môn học có nhiệm vụ phát triển cho HS sau mỗi giai đoạn học tập. Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của HS

làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

Như vậy, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực cần được thực hiện rộng rãi và đa chiều, và được thiết kế theo nhu cầu phát triển và mức độ của HS. Để phát triển năng lực HS, việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá vì sự tiến bộ của HS.

Đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức theo định hướng phát triển năng lực HS nhằm mục tiêu:

– Đánh giá mức độ phát triển năng lực của HS dựa theo chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục tổng thể và theo chuẩn đầu ra của chương trình môn học (ở những nội dung được tích hợp năng lực đó);

– Xác định vùng phát triển hiện tại của HS để thiết lập kế hoạch can thiệp sư phạm trong quá trình giảng dạy trên lớp nhằm hỗ trợ HS có thể chuyển sang vùng phát triển gần trên cơ sở đường phát triển năng lực.

– Báo cáo cho cha mẹ và các bên liên quan ở các cấp về thành tích, sự tiến bộ về khả năng của HS; xây dựng hồ sơ học tập về các kỹ năng của HS trong suốt quá trình học tập ở trường phổ thông;

– Cung cấp thông tin cho việc đánh giá, xem xét lại sự phù hợp của chuẩn đầu ra của Chương trình môn Đạo đức cũng như chất lượng của nội dung, phương pháp giảng dạy môn Đạo đức được sử dụng trong lớp học.

7.2. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức

Việc đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của HS lớp 4 phải kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Trong đó:

+ Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn Đạo đức được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi một HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt. Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định được mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn Đạo đức, từ đó, tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này. Trong đánh giá

thường xuyên môn Đạo đức, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học đạo đức về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng. Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau như: quan sát, vấn đáp, đánh giá qua sản phẩm hoạt động của HS,... nhờ đó, việc đánh giá mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi HS.

+ Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn Đạo đức được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học. Nội dung đánh giá định kì bao gồm: Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định theo các nội dung, bài đã học và các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học. Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn

Đạo đức.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học). Những phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn Đạo đức là vấn đáp, kiểm tra viết. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì không cho điểm.

7.3. Một số phương pháp đánh giá kết quả học tập môn đạo đức của HS lớp 4 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

7.3.1. Phương pháp đánh giá bằng quan sát

a) Khái niệm

Đánh giá bằng phương pháp quan sát là phương pháp GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp/ngoài nhà trường, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS.

Đánh giá bằng quan sát giúp GV quan sát thường xuyên công việc của HS giúp cung cấp thông tin liên tục về sự tiến bộ của HS. Bên cạnh đó, GV có thể sửa chữa các lỗi và giúp HS giải quyết những khó khăn nảy sinh trong quá trình học tập. Thuận lợi trong việc đánh giá về mặt thái độ, kỹ năng của HS cũng như thực hiện các chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống của HS.

b) Quy trình thực hiện đánh giá quan sát

Bước 1: Chuẩn bị. Cần xác định rõ:

** Mục đích quan sát:*

+ Muốn cung cấp thông tin định tính để bổ sung cho các thông tin định lượng trong điều tra, thu thập minh chứng để đánh giá các tiêu chí.

+ Muốn biết năng lực dạy học của GV.

+ Muốn biết hiệu quả hoạt động dạy học, của các trang thiết bị dạy học phục vụ mục tiêu đào tạo.

** Đối tượng quan sát:* HS, quá trình học tập của HS. Sự tương tác giữa HS với HS, HS với GV, nhóm HS, trường học, môi trường, văn hoá,...

** Nội dung quan sát:* Kiến thức, kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành, các thao tác, hành vi, động cơ, thái độ, hứng thú học tập môn học của HS,...

** Cách thức quan sát:*

+ Quan sát công khai hoặc không công khai.

+ Quan sát trực tiếp: Quan sát và ghi chép hành vi của HS ngay tại bối cảnh và thời gian thực tế diễn ra.

+ Quan sát gián tiếp: Không quan sát trực tiếp hành vi mà đi thu thập các dấu vết của hành vi còn sót lại.

+ Quan sát có cấu trúc/hệ thống: Quan sát có hệ thống hành vi của HS (có kế hoạch rõ ràng và cụ thể về lựa chọn, quan sát, ghi chép và mã hoá hành vi), đóng vai trò quan trọng và đem lại nhiều thông tin trong quá trình quan sát. Quan sát có cấu trúc/hệ thống là loại quan sát trực tiếp, công khai hoặc không công khai.

* *Địa điểm quan sát*: Trong lớp học, ngoài lớp học, ngoài cộng đồng.

* *Thời gian quan sát*: Quan sát thời điểm hay quan sát trường diễn.

* *Lưu giữ kết quả quan sát*: Chuẩn bị bộ công cụ quan sát (sổ ghi chép hoặc phiếu quan sát, thang đánh giá, phương tiện kĩ thuật,...).

Bước 2. Quan sát, ghi biên bản (quan sát những gì, cách thức quan sát; ghi chép những gì, ghi như thế nào;...).

Bước 3. Đánh giá (Cách thức phân tích thông tin, nhận xét kết quả, ra quyết định,...).

Việc sử dụng nhiều cách thức thu thập dữ liệu (phỏng vấn, quan sát, tài liệu,...), đối chiếu so sánh các thông tin thu thập từ các nguồn khác nhau là rất quan trọng trong việc nâng cao độ tin cậy của các kết quả tìm được trong quá trình đánh giá.

c) Một số công cụ đánh giá bằng quan sát

Để việc quan sát được thực hiện một cách có hệ thống, người ta thường dùng các công cụ khác nhau để ghi nhận kết quả quan sát được như:

- Nhật kí ghi chép;
- Bảng kiểm;
- Phiếu quan sát;
- ...

7.3.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm hoạt động của học sinh

a) Khái niệm

Phương pháp đánh giá sản phẩm hoạt động của HS là phương pháp dựa vào sản phẩm được HS làm ra, tạo nên theo bài học để xác định kết quả học tập của các em. Trong dạy học môn Đạo đức, những sản phẩm của HS có thể là kết quả các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống,...

Phương pháp đánh giá sản phẩm hoạt động của HS giúp tạo không gian sáng tạo, cơ hội cho HS thể hiện kiến thức và năng lực của mình; thúc đẩy HS học tập một cách có trách nhiệm và chủ động; giúp HS phát triển kĩ năng mềm; trở thành cầu nối giữa GV với HS và giữa HS với nhau.

b) Các loại sản phẩm hoạt động của HS

Các loại sản phẩm hoạt động của HS thể hiện qua:

– Các loại Phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, phiếu thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo).

– Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động (những sản phẩm này được GV quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp qua các bức ảnh).

– Tranh ảnh, thiệp, tranh tuyên truyền, cô đọng,...

– Những đồ dùng (quần áo, sách vở,...), tiền bạc được HS quyên góp,...

Đối với sản phẩm là các phiếu học tập, GV nghe HS trình bày hoặc đọc kết quả được HS ghi trong phiếu, đối chiếu với đáp án (đối với làm việc cá nhân, thảo luận nhóm) hay những yêu cầu hoạt động (đối với các hoạt động điều tra, thực hiện hành vi đạo đức) để đưa ra quyết định xử lý thông tin một cách phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

Đối với các sản phẩm là hiện thực được cải tạo, GV cần xem xét tình trạng của sự vật sau khi HS thực hiện hành vi, công việc, đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện), với những yêu cầu đối với hoạt động. Nhờ đó, GV nắm bắt được những thông tin về những hành vi, công việc các em đã thực hiện và kết quả đạt được.

c) Các tiêu chí cho việc đánh giá sản phẩm học tập của HS

Cũng như các phương pháp đánh giá khác, đánh giá sản phẩm học tập của HS cũng cần được xác lập những tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá. Tổ chức giáo dục Intel đề xuất khi thiết lập các tiêu chí cho việc đánh giá sản phẩm học tập của HS, GV nên thảo luận với HS các vấn đề sau:

– Liệu rằng sản phẩm học tập của em có thể hiện sự trưởng thành hoặc sự thay đổi nào trong suốt thời gian học tập và có chứng minh được em đã tiến bộ hay không?

– Sản phẩm học tập của em có bao gồm toàn bộ những gì em đã làm và đã hoàn thành hay không?

– Sản phẩm học tập của em có bao gồm những phản ánh có suy nghĩ về thành tích đạt được và quá trình học tập không?

– Sản phẩm học tập của em có bao gồm mục tiêu cho việc học sắp tới không?

– Sản phẩm học tập của em có lượng thông tin thích đáng không?

– Sản phẩm học tập của em có thể hiện chất lượng các công việc đa dạng em đã làm không?

– Sản phẩm học tập của em có bao gồm sự đa dạng thích hợp trong mỗi loại thành phần của hồ sơ không?

Từ các tiêu chí trên, có thể nhận thấy nếu đánh giá một năng lực nào đó của HS dựa trên một bộ hồ sơ về sản phẩm học tập cụ thể của các em thì sẽ mang lại những lợi ích sau:

– GV có thể nhìn thấy được cả quá trình phấn đấu trưởng thành của HS, sự hoàn thiện năng lực của các em được thể hiện cụ thể qua sản phẩm của từng giai đoạn.

– GV có thể thu thập được phản hồi của HS từ những lời tự đánh giá của các em về công việc của mình.

– Hồ sơ học tập có thể giúp GV đánh giá được năng lực tư duy bậc cao của HS, tính sáng tạo, khả năng làm việc độc lập,... của các em.

d) Một số công cụ đánh giá bằng sản phẩm học tập của HS

– Bảng kiểm;

– Thang đo;

– Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics).

7.3.3. Phương pháp vấn đáp

a) Khái niệm

Vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa GV và HS nhằm làm sáng tỏ quá trình học tập của HS và những kết quả đạt được. Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn Đạo đức trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài,...

Trong dạy học môn Đạo đức, phương pháp này giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ, hành vi của HS liên quan đến bài học đạo đức. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ những kết quả học tập đó mà còn quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi “tại sao”, qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

b) Ưu điểm và hạn chế

* Ưu điểm:

– Đánh giá được năng lực diễn đạt bằng lời nói, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện của HS.

- Thời gian kiểm tra và biết kết quả đối với HS nhanh.
- Đánh giá được việc hiểu và vận dụng kiến thức được học thông qua cách diễn đạt và trình bày bằng ngôn ngữ nói của HS.

* Hạn chế:

- Thời gian để đánh giá mỗi cá nhân không nhiều, thường từ 10 – 12 phút cho một người.
- Số lượng câu hỏi thường chỉ là 1 – 2 câu cho mỗi lượt thi. Vì vậy, có thể dẫn đến khả năng HS học lệch, học tủ.

c) Các lưu ý khác

- Với việc dùng phương pháp vấn đáp, GV cần xây dựng tiêu chí chấm điểm (Rubrics).
- GV cũng có thể ghi âm lại các câu trả lời trong khi thi vấn đáp để làm cơ sở minh chứng sau này (nếu có).

8. Cách thức tổ chức các bài học

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức đó trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho học sinh trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

- *Em cảm thấy thế nào về...?*
- *Cảm xúc của em sau khi nghe/xem... thế nào?*

Giai đoạn Khám phá

Giáo viên tổ chức hoạt động Khám phá, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các biểu hiện cụ

thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, hoặc bày tỏ thái độ (đồng tình/không đồng tình) trong cuộc sống hằng ngày.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- *Em hãy nêu các biểu hiện...?*
- *Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện...?*
- *Vì sao em phải/không được...?*
- *Những việc em nên/cần phải làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định.

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức bằng cách vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp học sinh hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, Bộ GDĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng công văn số 2345/BGDĐT-GDTH. Trong nội dung công văn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học có hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch bài dạy như sau:

Giáo viên căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; sách giáo khoa, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: Yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

a) Yêu cầu cần đạt của bài học: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, giáo viên chủ động sử dụng sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng học sinh, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: Học sinh thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

b) Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

c) Hoạt động dạy học chủ yếu: Giáo viên chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp đối tượng học sinh.

d) Điều chỉnh sau bài dạy: Giáo viên ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: Nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

2. Bài soạn minh họa

CHỦ ĐỀ: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

BÀI 1. NGƯỜI LAO ĐỘNG QUANH EM

1. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh.
- Biết vì sao phải biết ơn người lao động.

2. Về năng lực chung

Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Về năng lực đặc thù

Góp phần hình thành năng lực phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

4. Về phẩm chất

Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước, chăm chỉ

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK, SGV, SBT *Đạo đức 4* (Bộ sách Cánh diều).
- Các video clip liên quan đến người lao động quanh em và biết ơn người lao động.
- Tranh, hình ảnh về người lao động quanh em và biết ơn người lao động.
- Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Khởi động

a) Mục tiêu

Thu hút HS, tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học mới. Giúp khơi gợi cảm xúc đạo đức, khai thác kinh nghiệm với các chuẩn mực đạo đức để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung

Nghe hoặc hát bài hát *Lớn lên em sẽ làm gì* của nhạc sĩ Trần Hữu Pháp và trả lời câu hỏi.

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp vấn đáp.

– GV yêu cầu HS nghe hoặc hát bài hát *Lớn lên em sẽ làm gì* của nhạc sĩ Trần Hữu Pháp và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên những nghề nghiệp được nhắc đến trong bài hát.*

– GV mời HS phát biểu câu trả lời

– GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và dẫn nhập vào bài

d) Dự kiến đánh giá

– Dự kiến sản phẩm học tập:

+ *HS tập trung lắng nghe, vỗ tay theo nhịp hoặc vỗ tay và hát theo bài hát Lớn lên em sẽ làm gì.*

+ *Học sinh trả lời những nghề nghiệp được nhắc đến trong bài hát: công nhân, nông dân, người lái tàu, kỹ sư.*

– Phương pháp đánh giá: Vấn đáp

– Công cụ đánh giá: Thang đo

– Người thực hiện: GV đánh giá HS.

Khám phá

Hoạt động 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu:

Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh

b) Nội dung

HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong SGK.

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp trực quan (chính), vấn đáp (bổ trợ)

– GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

a. Em hãy nêu những đóng góp của người lao động trong các tranh trên.

b. Hãy kể thêm đóng góp của một số người lao động khác mà em biết.

– GV mời HS phát biểu câu trả lời.

– GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp.

d) Dự kiến đánh giá

– Dự kiến sản phẩm học tập:

+ HS trả lời được

Tranh 1: Nghệ sĩ Đờn ca tài tử Nam Bộ là những người góp phần bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể quý giá của cộng đồng, mang lại những phút giây giải trí cho người nghe, góp phần phục vụ du lịch bền vững ở địa phương, duy trì sự đa dạng văn hoá của quốc gia và quốc tế,...

Tranh 2: Các chú bộ đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; đồng thời, tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tranh 3: Người nông dân: tham gia lao động sản xuất, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi để làm ra các nông sản phục vụ nhu cầu về lương thực, thực phẩm của mọi người.

Tranh 4: bác sĩ: khám bệnh, chẩn đoán, kê đơn thuốc, ra phác đồ điều trị và chăm sóc sức khoẻ cho người bệnh.

Tranh 5: Thợ may: may ra những bộ trang phục giúp chúng ta giữ ấm, chống nắng, làm đẹp,...

Tranh 6: diêm dân: người làm muối.

– Phương pháp đánh giá: Vấn đáp.

– Công cụ đánh giá: Câu hỏi.

– Người thực hiện: GV đánh giá HS.

Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu

Biết vì sao phải biết ơn người lao động.

b) Nội dung

Đọc câu chuyện Cái gì quý nhất và trả lời câu hỏi sau câu chuyện.

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp kể chuyện (chính), phương pháp vấn đáp (bổ trợ).

– GV yêu cầu HS đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi:

a. Bài học quý mà Hùng, Quý và Nam nhận được là gì?

b. Theo em, vì sao phải biết ơn người lao động?

- GV mời HS phát biểu câu trả lời.
- GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp.

d) Dự kiến đánh giá

- Dự kiến sản phẩm học tập:
 - + Bài học quý mà Hùng, Quý và Nam nhận được: lúa gạo, vàng bạc, thời gian vẫn chưa phải là quý nhất. Ai làm ra lúa gạo, vàng bạc, ai biết dùng thời gian? Đó chính là người lao động. Không có người lao động thì không có lúa gạo, không có vàng bạc, nghĩa là tất cả mọi thứ đều không có và thời gian cũng trôi qua một cách vô vị mà thôi.
 - + HS trả lời được cần phải biết ơn người lao động: vì nhờ người lao động là những người làm ra của cải, mọi vật dụng trong xã hội phục vụ nhu cầu cuộc sống của chúng ta.
- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp.
- Công cụ đánh giá: Câu hỏi.
- Người thực hiện: GV đánh giá HS.

Luyện tập

Hoạt động 1. Nhận xét các ý kiến sau

a) Mục tiêu

Nhận xét được các ý kiến có liên quan đến người lao động và đóng góp của những người lao động quanh em.

b) Nội dung

HS nhận xét các ý kiến trong SGK

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề (chính), phương pháp thảo luận nhóm (bổ trợ)

- GV chia lớp thành 4 nhóm học tập.
- GV cho các nhóm bắt thăm ý kiến.
- GV cho các nhóm thời gian thảo luận để đưa ra phân nhận xét của các em.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, đánh giá, tổng kết câu trả lời phù hợp nhất.

d) Dự kiến đánh giá

- Dự kiến sản phẩm học tập:

+ Ý kiến 1: Những người lao động kiếm được nhiều tiền mới có đóng góp cho xã hội là ý kiến chưa đúng vì mỗi ngành nghề, mỗi người lao động đều có đóng góp khác nhau cho xã hội, nên chúng ta phải tôn trọng tất cả các ngành nghề và tất cả những người lao động chân chính quanh ta.

+ Ý kiến 2: Tất cả sản phẩm trong xã hội có được là nhờ những người lao động. Đây là ý kiến đúng.

+ Ý kiến 3: Chỉ cần biết ơn những người lao động mà mình sử dụng sản phẩm do họ làm ra. Đây là ý kiến không đúng vì những sản phẩm của người lao động khác mà chúng ta không sử dụng sản phẩm của họ thì những sản phẩm đó cũng dùng để phục vụ nhu cầu của những người khác trong xã hội, giúp xã hội và cộng đồng phát triển bền vững.

+ Ý kiến 4: Cuộc sống và xã hội tốt đẹp hơn là nhờ công lao của tất cả người lao động. Đây là ý kiến đúng.

– Phương pháp đánh giá: Vấn đáp.

– Công cụ đánh giá: Câu hỏi.

– Người thực hiện: GV đánh giá HS.

Hoạt động 2: Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu

Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với những phát biểu liên quan đến đóng góp của người lao động quanh em.

b) Nội dung

HS bày tỏ sự đồng tình hay không đồng tình với các lời nói, việc làm trong SGK.

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp thảo luận nhóm (chính), phương pháp vấn đáp (bổ trợ)

– GV chia lớp thành các nhóm học tập.

– GV yêu cầu các nhóm đọc tình huống và thể hiện ý kiến: đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm nào sau đây? Vì sao?

– GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp

d) Dự kiến đánh giá

- Dự kiến sản phẩm học tập:
- + HS trả lời đồng tình với ý kiến 1 và 3 vì đó là những ý kiến thể hiện được tình yêu và sự trân trọng với những đóng góp của người lao động.
- + HS trả lời không đồng tình với ý kiến 2, 4 vì các bạn nhỏ trong tranh chưa nhận thấy được đóng góp của người lao động.
- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp.
- Công cụ đánh giá: Câu hỏi.
- Người thực hiện: GV đánh giá HS

Hoạt động 3. Xử lí tình huống

a) Mục tiêu

HS đưa ra được cách ứng xử phù hợp với những đóng góp với người lao động quanh em.

b) Nội dung

Đọc tình huống trong SGK và cho biết cách ứng xử của em.

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi:
- + TH1: Nếu là Nam, em sẽ trả lời bạn như thế nào?
- + TH2: Nếu là Hồng, em sẽ ứng xử như thế nào?
- GV cho thời gian HS đọc tình huống và tìm cách ứng xử phù hợp.
- GV mời 2 – 4 HS đưa ra cách ứng xử cho từng tình huống trên.
- GV nhận xét và rút ra những cách ứng xử phù hợp.

d) Dự kiến đánh giá

- Dự kiến sản phẩm học tập:
- + Tình huống 1: Nhà báo có nhiệm vụ tìm kiếm các thông tin, sau đó xác minh tính xác thực của thông tin, đánh giá thông tin để đảm bảo tính đúng của thông tin. Sau đó, họ sẽ đưa các tin tức nóng hổi hằng ngày, hằng giờ cho công chúng thông qua các loại hình báo giấy truyền hình phát thanh.
- + Tình huống 2: Người lao động làm ra của cải vật chất và mang lại những giá trị tinh thần cống hiến cho xã hội nên. Tất cả sản phẩm trong xã hội có được là nhờ những người lao động. Cuộc sống và xã hội tốt đẹp hơn là nhờ công lao của tất cả người lao

động. Do đó, không phải chỉ yêu quý, biết ơn những người thân trong gia đình mà còn phải biết yêu thương, quý trọng những người lao động quanh ta.

- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp.
- Công cụ đánh giá: Câu hỏi.
- Người thực hiện: GV đánh giá HS.

Vận dụng

Hoạt động 1. Suu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... về người lao động

a) Mục tiêu

Suu tầm ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... về người lao động.

b) Nội dung

Suu tầm và chia sẻ với các bạn cùng lớp một số câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... về người lao động

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp thực hành

- GV hướng dẫn HS suu tầm ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... về người lao động
- GV cho thời gian HS hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu. GV khuyến khích HS trang trí sản phẩm mang tính thẩm mỹ và sáng tạo: ghi sản phẩm vào các bông hoa, khung hình,...
- GV mời 2–3 HS trình bày
- GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp và động viên HS tích cực.

d) Dự kiến đánh giá

- Dự kiến sản phẩm học tập: HS chia sẻ được với các bạn cùng lớp một số câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... về người lao động.
- Phương pháp đánh giá: Hồ sơ và sản phẩm hoạt động.
- Công cụ đánh giá: Rubrics.
- Người thực hiện: GV đánh giá HS.

Hoạt động 2. Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một người lao động quanh em

a) Mục tiêu

Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một người lao động quanh em.

b) Nội dung

HS tìm hiểu về một người lao động quanh em và chia sẻ với bạn.

c) Tổ chức thực hiện

Phương pháp thực hành.

- GV yêu cầu HS tìm hiểu về một người lao động quanh em và ghi lại vào giấy.
- GV cho HS 1 tuần để thực hiện.
- GV mời 3 – 5 bạn chia sẻ sau 1 tuần thực hiện.
- GV nhận xét, động viên HS tích cực thực hiện.

d) Dự kiến đánh giá

- Dự kiến sản phẩm học tập: HS chia sẻ với bạn về một người lao động và đóng góp của người lao động đó.
- Phương pháp đánh giá: Hồ sơ và sản phẩm hoạt động.
- Công cụ đánh giá: Bảng kiểm.
- Người thực hiện: Phụ huynh và GV đánh giá HS

Kết luận

GV cho HS đọc Lời khuyên trong SGK Đạo đức 4

Phần thứ 3

Gợi ý đánh giá kết quả giáo dục

1. Đánh giá bằng bảng kiểm

a. Mục tiêu cần đánh giá: Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng đồng tiền (Bài 11 “Em quý trọng đồng tiền”)

b. Công cụ bảng kiểm:

Thứ tự	Tiêu chí đánh giá	Đã làm được	Chưa làm được
1	Nhận biết được các tờ tiền của Việt Nam.		
2	Biết vai trò và giá trị của đồng tiền.		
3	Bảo quản tiền.		
4	Tiết kiệm tiền.		
5	Biết mua sắm đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.		
6	Nhắc nhở bạn bè bảo quản, tiết kiệm tiền.		
...	...		

2. Đánh giá bằng câu hỏi

a. Mục tiêu đánh giá: Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em (Bài 12 “Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em”).

b. Công cụ câu hỏi: Em hãy kể một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em?

3. Đánh giá bằng thang đo

a. Mục tiêu đánh giá: Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. (Bài 6 “**em tích cực tham gia lao động**”).

b. Công cụ thang đo:

Em tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân				
?				
1	2	3	4	5
Không sẵn sàng	Hiếm khi sẵn sàng	Thỉnh thoảng có sẵn sàng	Khá sẵn sàng	Rất sẵn sàng

4. Đánh giá bằng Rubrics

a. Mục tiêu đánh giá:

- Nêu được vai trò của tiền.
- Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền.
- Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
- Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

(Bài 11: Em quý trọng đồng tiền)

b. Công cụ rubrics:

GỢI Ý ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TRÊN LỚP

(Dùng cho giáo viên đánh giá)

Tiêu chí	Mức độ		
	Không hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt
1. Nêu được vai trò của tiền	<i>Không nêu được hoặc chỉ nêu được 1 vai trò</i>	<i>Nêu được từ 2 đến 3 vai trò</i>	<i>Nêu được trên 3 vai trò</i>
2. Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền	<i>Không nêu được ý nghĩa nào</i>	<i>Nêu được từ 1 đến 2 ý nghĩa</i>	<i>Nêu được trên 2 ý nghĩa</i>
3. Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình	<i>Không biết bảo quản và tiết kiệm tiền</i>	<i>Thỉnh thoảng biết bảo quản và tiết kiệm tiền</i>	<i>Biết bảo quản và tiết kiệm tiền một cách thường xuyên liên tục</i>

<p>4. Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm</p>	<p><i>Không chủ động; thỉnh thoảng tiết kiệm tiền; còn vi phạm</i></p>	<p><i>Chủ động thực hiện và thực hiện thường xuyên tiết kiệm tiền nhưng chưa nhắc nhở được bạn bè cùng thực hiện</i></p>	<p><i>Chủ động thực hiện được và thực hiện rất thường xuyên tiết kiệm tiền; nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.</i></p>
--	--	--	---